

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

Môn: Địa - Ngày KT: /10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 121

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. So với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông

- A. ngắn và nhiệt độ trung bình năm trên 20°C .
- B. thường đến muộn và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ ít thay đổi.
- C. đến sớm và kết thúc sớm hơn, nhiệt độ cao hơn.
- D. đến sớm và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ xuống thấp.

Câu 2. Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

- A. sự đa dạng của hệ thống sông ngòi.
- B. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.
- C. chế độ mưa mùa.
- D. hoạt động của bão.

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của nước ta?

- A. Nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của Tín phong.
- B. Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai.
- C. Nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.
- D. Nằm trong khu vực chịu tác động mạnh của gió Tây ôn đới.

Câu 4. Đặc điểm nào sau đây đúng với địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Đồi núi thấp và đồng bằng là chủ yếu, núi có hướng vòng cung.
- B. Đồi và núi thấp là chủ yếu, núi có hướng tây – đông.
- C. Đồng bằng là chủ yếu, chỉ có một số núi sót.
- D. Núi cao là chủ yếu, núi có hướng tây bắc – đông nam.

Câu 5. Số ngày mưa nhiều, tổng lượng mưa lớn và độ ẩm không khí trung bình năm cao là biểu hiện

- A. tính nhiệt đới của khí hậu.
- B. về cân bằng ẩm của khí hậu.
- C. tính ẩm của khí hậu.
- D. tính phân hoá của khí hậu.

Câu 6. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

- A. Đông - Tây.
- B. Bắc - Nam.
- C. Tây - Đông.
- D. Độ cao.

Câu 7. Trong những năm gần đây diện tích đất hoang đồi núi trọc giảm mạnh chủ yếu do

- A. khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng trọt.
- B. tập trung phát triển thủy điện và thủy lợi.
- C. nạn du canh, du cư ngày càng phổ biến.
- D. toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng.

Câu 8. Miền Bắc có thời tiết lạnh, khô vào đầu mùa đông là do

- A. Tín phong hoạt động mạnh lấn át gió mùa Đông Bắc.
- B. gió mùa Tây Nam vượt dãy Trường Sơn.
- C. gió mùa Tây Nam bắt đầu hoạt động.
- D. gió mùa Đông Bắc di chuyển qua lục địa.

Câu 9. Nước ta tiếp giáp vùng biển nhiệt đới rộng nên có

- A. địa hình ven biển khá đa dạng.
- B. có nhiều bão, áp thấp nhiệt đới.
- C. nhiều loại khoáng sản kim loại.
- D. rừng ngập mặn ven biển rộng.

Câu 10. Theo độ cao, thiên nhiên nước ta phân hóa thành bao nhiêu đai?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 11. Ở vùng lãnh thổ phía Bắc, thành phần loài chiếm ưu thế là

- A. ôn đới.
- B. nhiệt đới.
- C. xích đạo.
- D. cận nhiệt.

Câu 12. Diện tích rừng nước ta bị thu hẹp chủ yếu do

- A. cháy rừng và các thiên tai khác. B. chiến tranh.
C. khai thác bừa bãi và cháy rừng. D. dịch bệnh.

Câu 13. Khoáng sản có trữ lượng lớn của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ so với các miền khác là

- A. than đá. B. bô – xít. C. a – pa – tit. D. ti – tan.

Câu 14. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm:

- A. vùng đất, vùng biển và các quần đảo.
B. đất liền và các đảo ven bờ.
C. đất liền và biển Đông.
D. vùng đất, vùng biển và vùng trời.

Câu 15. Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện qua

- A. thời tiết luôn ẩm áp, ít chịu ảnh hưởng của các loại thiên tai.
B. sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam và sự đối lập về mùa.
C. lượng mưa trong năm lớn, nhiệt độ trung bình năm thấp.
D. số giờ nắng nhiều, tổng lượng bức xạ lớn và nhiệt độ trung bình năm cao.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin:

Con người cần khai thác những thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa vào các hoạt động sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Đây là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển nền nông nghiệp toàn diện, sản xuất nông nghiệp hàng hoá để đáp ứng nhu cầu trong nước và tạo nhiều mặt hàng xuất khẩu.

a) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm theo hình thức thâm canh, tăng vụ.

b) Nước ta có thể sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm.

c) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa giúp cho sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, ổn định, ít rủi ro.

d) Thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là nền nhiệt, ẩm dồi dào, đất đai màu mỡ, nguồn nước phong phú.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình và lượng mưa các tháng của nước ta năm 2021

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7
Lượng mưa (mm)	1,0	0,0	0,0	150,9	194,4	129,0	239,1	92,3	193,0	269,5	130,2	0,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

a) Vũng Tàu không có tháng lạnh.

b) Tổng lượng mưa năm 2021 là trên 2 000 mm.

c) Mùa khô ở Vũng Tàu chủ yếu do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam

d) Mùa mưa và mùa khô phân hóa sâu sắc.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin:

Việt Nam nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, điểm cực Bắc nước ta ở $23^{\circ} 23' \text{B}$, cực Nam ở $8^{\circ} 34' \text{B}$, cực Tây ở $102^{\circ} 09' \text{Đ}$ và cực Đông ở $109^{\circ} 28' \text{Đ}$. Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ $6^{\circ} 50' \text{B}$ và từ kinh độ 101°Đ đến khoảng kinh độ $117^{\circ} 20' \text{Đ}$.

a) Nhờ vị trí địa lí nên nước ta ít chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu.

b) Nước ta thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á và Tín phong.

c) Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

d) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài khoảng 15 vĩ độ.

*Đã KT
Đã*

Câu 4. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM , NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG 1, THÁNG 7 TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM NƯỚC TA

Trạm khí tượng	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,4	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

- a) Huế có biên độ nhiệt độ năm cao nhất do vị trí địa lí quy định.
b) Hà Nội có biên độ nhiệt độ năm cao là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
c) Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc xuống Nam.
d) Biên độ nhiệt trung bình năm giảm dần từ Bắc xuống Nam.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản đạt 9,23 triệu tấn trong đó sản lượng thủy sản khai thác đạt 3,8 triệu tấn. Tỉ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2023? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI HÀ NỘI NĂM 2022

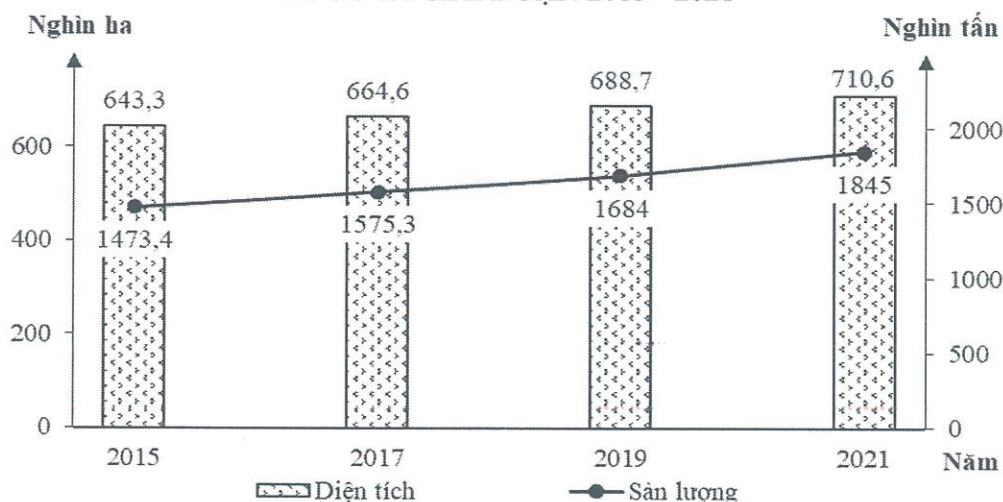
Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Nhiệt độ (°C)	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của độ C).

Câu 3. Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ VỀ DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2021



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết năng suất cà phê của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2008 và năm 2021

Năm	2008	2021
Tiêu chí		
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,4222	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	38,7298	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2008. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

*Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7
tại một số địa điểm ở nước ta*

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 ($^{\circ}\text{C}$)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,7	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính biên độ nhiệt trung bình năm của thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 6. Năm 2021, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 134,5 nghìn ha, số dân là 98,5 triệu người.

Tính mật độ dân số của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km^2)

----- **HẾT** -----

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 122

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.
- B. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.
- C. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô.

Câu 2. Biểu hiện nào sau đây đúng với thiên nhiên ở đai nhiệt đới gió mùa?

- A. Nhiệt độ thấp dưới 15°C , đất mùn thô, sinh vật ôn đới đa dạng.
- B. Khí hậu mát mẻ, đất feralit có mùn, rừng lá kim.
- C. Nhiệt độ cao, đất feralit đỏ vàng và nâu đỏ, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
- D. Nhiệt độ cao, đất mùn thô, sinh vật nhiệt đới đa dạng.

Câu 3. Gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân chủ yếu

- A. gây mưa phùn vào đầu xuân trên toàn lãnh thổ nước ta.
- B. gây mưa vào mùa hạ trên toàn lãnh thổ nước ta.
- C. làm cho miền Bắc nước ta có mùa đông lạnh.
- D. gây thời tiết lạnh, khô cho miền Bắc nước ta.

Câu 4. Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ là nhân tố quan trọng

- A. làm cho địa hình của nước ta chủ yếu là núi cao.
- B. làm cho thiên nhiên nước ta không bị phân hoá.
- C. quy định tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên Việt Nam.
- D. tạo ra sự khác biệt về thành phần tự nhiên ở các miền của nước ta.

Câu 5. Đai nhiệt đới gió mùa phân bố ở độ cao trung bình

- A. ở miền Bắc dưới 600 - 700 m; miền Nam dưới 900 - 1000 m.
- B. ở miền Bắc và miền Nam dưới 600 - 700m đến 900 - 1000 m.
- C. ở miền Bắc dưới 900 - 1000 m, miền Nam dưới 600 - 700m.
- D. ở miền Bắc trên 600 - 700 m; miền Nam trên 900 - 1000 m.

Câu 6. Nước ta tiếp giáp vùng biển nhiệt đới rộng nên có

- A. địa hình ven biển khá đa dạng.
- B. rừng ngập mặn ven biển rộng.
- C. có nhiều bão, áp thấp nhiệt đới.
- D. nhiều loại khoáng sản kim loại.

Câu 7. Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lý của nước ta?

- A. Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến của cả hai bán cầu.
- B. Nằm ở nơi tập trung tài nguyên khoáng sản lớn bậc nhất của thế giới.
- C. Là nơi di cư của nhiều loài sinh vật nhiệt đới.
- D. Nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 8. Hai nhóm đất chính của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. đất feralit và đất xám.
- B. đất phù sa và đất xám.
- C. đất feralit và đất phù sa.
- D. đất mặn và đất phù sa.

Câu 9. Thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió, ở nước ta thường có hoạt động của loại gió nào sau đây?

- A. Gió mùa Đông Bắc.
- B. Gió Lào.
- C. Gió mùa Tây Nam.
- D. Tín phong.

Câu 10. Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam là

- A. cận nhiệt đới và xích đạo.
- B. nhiệt đới và cận nhiệt đới.
- C. xích đạo và nhiệt đới.
- D. cận xích đạo và ôn đới.

Câu 11. Sông ngòi của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có hai hướng chính là

- A. đông - tây và vòng cung.
- B. tây bắc - đông nam và vòng cung.
- C. tây nam - đông bắc và vòng cung.
- D. đông - đông bắc và tây - tây bắc.

Câu 12. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

- A. Bắc - Nam. B. Đông - Tây. C. Độ cao. D. Tây - Đông.

Câu 13. Biện pháp hiệu quả nhất nhằm đảm bảo sự cân bằng tài nguyên nước ở nước ta hiện nay

- A. xử lý nghiêm hành vi xả nước bẩn ra môi trường.
B. tăng độ che phủ, canh tác đúng kỹ thuật trên đất dốc.
C. sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và chống ô nhiễm nước.
D. tăng độ che phủ, xây dựng các công trình giữ nước.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng nước ta suy giảm nhanh là do

- A. khai thác quá mức. B. trồng rừng chưa hiệu quả.
C. cháy rừng. D. chiến tranh.

Câu 15. Từ 16°B trở vào Nam hầu như không chịu ảnh hưởng của

- A. Tín phong. B. gió mùa Đông Nam. C. gió mùa Đông Bắc. D. gió mùa Tây Nam.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2021 tại trạm khí tượng Đà Nẵng

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	34,7	32,1	14,6	21,4	2,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê 2022)

- a) Lượng mưa trung bình năm của Đà Nẵng là 2492,1mm.
b) Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 9.
c) Lượng mưa lớn vào thu đông chủ yếu do hoạt động của gió mùa và dải hội tụ nhiệt đới.
d) Mùa mưa kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại một số địa điểm ở nước ta

(Đơn vị: °C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Huế	19,7	29,4	25,1
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	27,1

- a) vào tháng 7 nhiệt độ trung bình các nơi đều cao hơn tháng 1.
b) vào tháng 1, vĩ độ càng tăng thì nhiệt độ trung bình càng giảm.
c) càng vào Nam, nhiệt độ trung bình năm càng tăng.
d) nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 ở các nơi thay đổi theo cùng quy luật.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin:

Từ tháng 6 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

- a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh.
b) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân tạo nên mùa khô cho cả nước.
c) Gió mùa Đông Bắc bị biến tính khi đi qua biển nên gây mưa phùn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
d) Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin:

Nước ta nằm ở phía đông của bán đảo Đông Dương, phần đất liền tiếp giáp với 3 quốc gia. Trên biển, Việt Nam có chung biển Đông với nhiều quốc gia khác. Nước ta nằm ở vị trí trung chuyển của các tuyến đường hàng hải và hàng không quốc tế, cũng như các tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Á.

- a) Nước ta là cửa ngõ thông ra biển của một số quốc gia trong khu vực.
- b) Vị trí địa lí đã tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng giao lưu, phát triển các ngành kinh tế biển.
- c) Vị trí địa lí đã tạo nhiều thuận lợi cho nước ta trong việc bảo vệ an ninh quốc phòng.
- d) Ba quốc gia tiếp giáp với nước ta trên đất liền là: Trung Quốc, Thái Lan, Lào.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản đạt 9,23 triệu tấn trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 5,43 triệu tấn. Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác của nước ta năm 2023? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG NĂM 2022 TẠI VINH

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lượng mưa (mm)	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa tại Vinh năm 2022? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2005 và năm 2021

Năm	2005	2021
Tiêu chí		
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,3292	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	35,8329	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2005. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha).

Câu 4. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 0,331212 triệu km², số dân năm 2022 là 99,47 triệu người (niên giám thống kê năm 2022). Vậy mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7
tại một số địa điểm ở nước ta

(Đơn vị: °C)

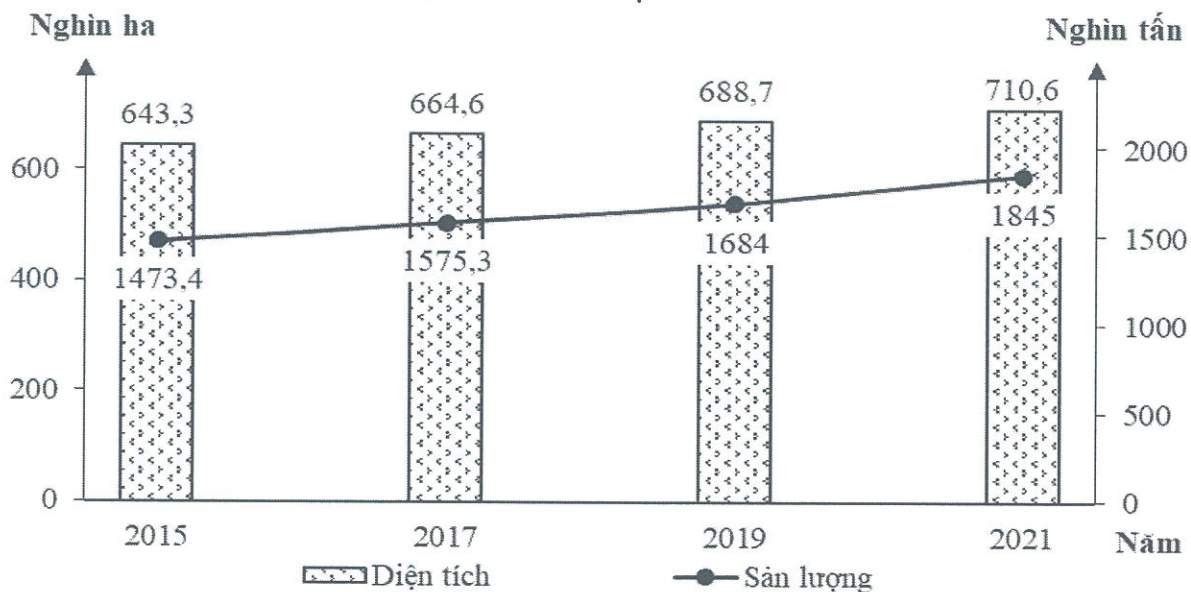
Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,7	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội.

Câu 6. Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ VỀ DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ
NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2021



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết năng suất cà phê của nước ta năm 2019 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

----- HẾT -----

Đỗ CT
SNC

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

Môn: Địa - Ngày KT: /10/2024
Thời gian làm bài: 45 phút
(Đề thi gồm 4 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 123

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Diện tích rừng nước ta bị thu hẹp chủ yếu do

- A. dịch bệnh. B. cháy rừng và các thiên tai khác.
C. chiến tranh. D. khai thác bừa bãi và cháy rừng.

Câu 2. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

- A. Bắc - Nam. B. Độ cao. C. Đông - Tây. D. Tây - Đông.

Câu 3. Nước ta tiếp giáp vùng biển nhiệt đới rộng nên có

- A. nhiều loại khoáng sản kim loại. B. địa hình ven biển khá đa dạng.
C. rừng ngập mặn ven biển rộng. D. có nhiều bão, áp thấp nhiệt đới.

Câu 4. Ở vùng lãnh thổ phía Bắc, thành phần loài chiếm ưu thế là

- A. ôn đới. B. cận nhiệt. C. nhiệt đới. D. xích đạo.

Câu 5. Số ngày mưa nhiều, tổng lượng mưa lớn và độ ẩm không khí trung bình năm cao là biểu hiện

- A. về cân bằng ẩm của khí hậu. B. tính nhiệt đới của khí hậu.
C. tính phân hoá của khí hậu. D. tính ẩm của khí hậu.

Câu 6. Khoáng sản có trữ lượng lớn của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ so với các miền khác là

- A. bô - xít. B. ti - tan. C. a - pa - tit. D. than đá.

Câu 7. So với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông

- A. đến sớm và kết thúc sớm hơn, nhiệt độ cao hơn.
B. thường đến muộn và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ ít thay đổi.
C. đến sớm và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ xuống thấp.
D. ngắn và nhiệt độ trung bình năm trên 20°C .

Câu 8. Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

- A. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới. B. chế độ mưa mùa.
C. sự đa dạng của hệ thống sông ngòi. D. hoạt động của bão.

Câu 9. Trong những năm gần đây diện tích đất hoang đồi núi trọc giảm mạnh chủ yếu do

- A. toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng.
B. nạn du canh, du cư ngày càng phổ biến.
C. tập trung phát triển thủy điện và thủy lợi.
D. khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng trọt.

Câu 10. Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện qua

- A. sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam và sự đối lập về mùa.
B. thời tiết luôn ẩm áp, ít chịu ảnh hưởng của các loại thiên tai.
C. số giờ nắng nhiều, tổng lượng bức xạ lớn và nhiệt độ trung bình năm cao.
D. lượng mưa trong năm lớn, nhiệt độ trung bình năm thấp.

Câu 11. Theo độ cao, thiên nhiên nước ta phân hóa thành bao nhiêu đai?

- A. 2. B. 5. C. 3. D. 4.

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây đúng với địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Đồng bằng là chủ yếu, chỉ có một số núi sót.
B. Đồi núi thấp và đồng bằng là chủ yếu, núi có hướng vòng cung.
C. Núi cao là chủ yếu, núi có hướng tây bắc - đông nam.
D. Đồi và núi thấp là chủ yếu, núi có hướng tây - đông.

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của nước ta?

- A. Nằm trong khu vực chịu tác động mạnh của gió Tây ôn đới.
- B. Nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của Tín phong.
- C. Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai.
- D. Nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

Câu 14. Miền Bắc có thời tiết lạnh, khô vào đầu mùa đông là do

- A. Tín phong hoạt động mạnh lấn át gió mùa Đông Bắc.
- B. gió mùa Tây Nam bắt đầu hoạt động.
- C. gió mùa Tây Nam vượt dãy Trường Sơn.
- D. gió mùa Đông Bắc di chuyển qua lục địa.

Câu 15. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm:

- A. đất liền và các đảo ven bờ.
- B. vùng đất, vùng biển và vùng trời.
- C. vùng đất, vùng biển và các quần đảo.
- D. đất liền và biển Đông.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình và lượng mưa các tháng của nước ta năm 2021

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7
Lượng mưa (mm)	1,0	0,0	0,0	150,9	194,4	129,0	239,1	92,3	193,0	269,5	130,2	0,3

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

- a) Mùa mưa và mùa khô phân hóa sâu sắc.
- b) Mùa khô ở Vũng Tàu chủ yếu do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam
- c) Tổng lượng mưa năm 2021 là trên 2 000 mm.
- d) Vũng Tàu không có tháng lạnh.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin:

Con người cần khai thác những thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa vào các hoạt động sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Đây là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển nền nông nghiệp toàn diện, sản xuất nông nghiệp hàng hoá để đáp ứng nhu cầu trong nước và tạo nhiều mặt hàng xuất khẩu.

- a) Nước ta có thể sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm.
- b) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm theo hình thức thâm canh, tăng vụ.
- c) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa giúp cho sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, ổn định, ít rủi ro.
- d) Thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là nền nhiệt, ẩm dồi dào, đất đai màu mỡ, nguồn nước phong phú.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM , NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG 1, THÁNG 7 TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM NƯỚC TA

Trạm khí tượng	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 ($^{\circ}\text{C}$)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,4	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

- a) Biên độ nhiệt trung bình năm giảm dần từ Bắc xuống Nam.
- b) Hà Nội có biên độ nhiệt độ năm cao là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
- c) Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc xuống Nam.
- d) Huế có biên độ nhiệt độ năm cao nhất do vị trí địa lí quy định.

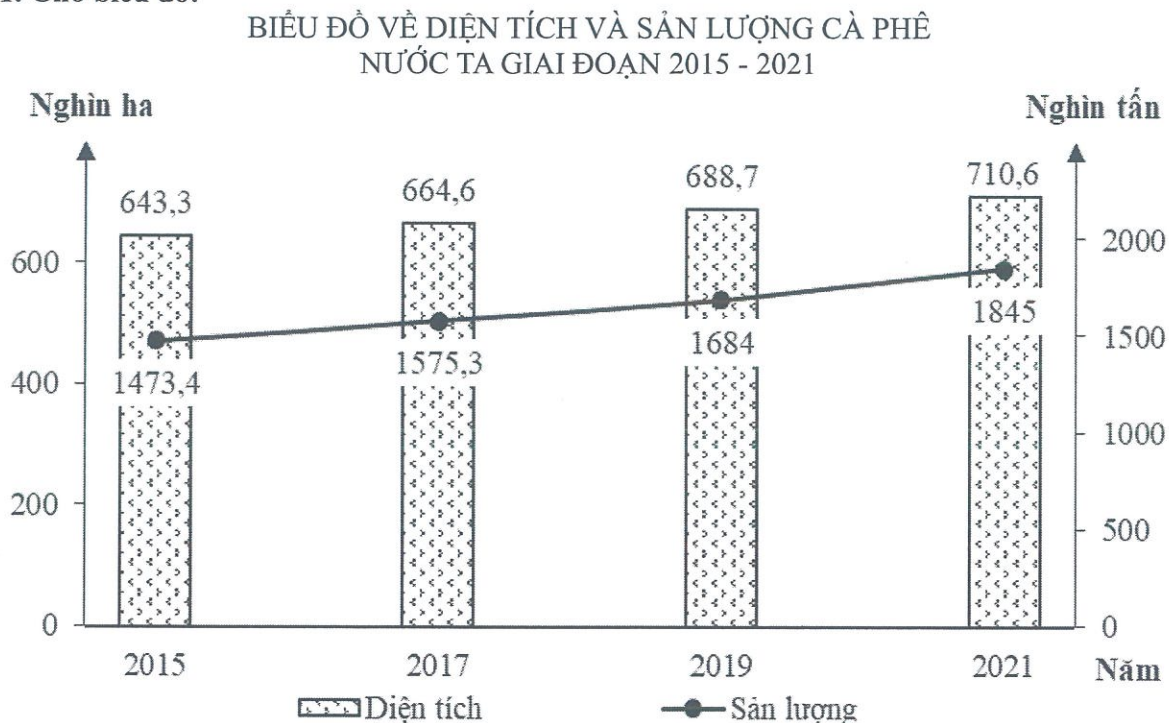
Câu 4. Đọc đoạn thông tin:

Việt Nam nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, điểm cực Bắc nước ta ở $23^{\circ} 23' B$, cực Nam ở $8^{\circ} 34' B$, cực Tây ở $102^{\circ} 09' Đ$ và cực Đông ở $109^{\circ} 28' Đ$. Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ $6^{\circ} 50' B$ và từ kinh độ $101^{\circ} Đ$ đến khoảng kinh độ $117^{\circ} 20' Đ$.

- Nước ta thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á và Tín phong.
- Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài khoảng 15 vĩ độ.
- Nhờ vị trí địa lí nên nước ta ít chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho biểu đồ:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết năng suất cà phê của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 2. Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản đạt 9,23 triệu tấn trong đó sản lượng thủy sản khai thác đạt 3,8 triệu tấn. Tỷ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2023? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI HÀ NỘI NĂM 2022

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Nhiệt độ ($^{\circ}C$)	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của độ C).

Câu 4. Năm 2021, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 134,5 nghìn ha, số dân là 98,5 triệu người. Tính mật độ dân số của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km^2)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2008 và năm 2021

Năm	2008	2021
Tiêu chí		
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,4222	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	38,7298	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2008. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

*Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7
tại một số địa điểm ở nước ta*

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 ($^{\circ}\text{C}$)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,7	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính biên độ nhiệt trung bình năm của thành phố Hồ Chí Minh.

----- **HẾT** -----

Môn: Địa - Ngày KT:/10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 124

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân chủ yếu

- A. gây mưa vào mùa hạ trên toàn lãnh thổ nước ta.
- B. làm cho miền Bắc nước ta có mùa đông lạnh.
- C. gây mưa phùn vào đầu xuân trên toàn lãnh thổ nước ta.
- D. gây thời tiết lạnh, khô cho miền Bắc nước ta.

Câu 2. Nước ta tiếp giáp vùng biển nhiệt đới rộng nên có

- A. nhiều loại khoáng sản kim loại.
- B. địa hình ven biển khá đa dạng.
- C. rừng ngập mặn ven biển rộng.
- D. có nhiều bão, áp thấp nhiệt đới.

Câu 3. Biểu hiện nào sau đây đúng với thiên nhiên ở đai nhiệt đới gió mùa?

- A. Nhiệt độ cao, đất feralit đỏ vàng và nâu đỏ, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
- B. Nhiệt độ cao, đất mùn thô, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
- C. Nhiệt độ thấp dưới 15°C , đất mùn thô, sinh vật ôn đới đa dạng.
- D. Khí hậu mát mẻ, đất feralit có mùn, rừng lá kim.

Câu 4. Đai nhiệt đới gió mùa phân bố ở độ cao trung bình

- A. ở miền Bắc trên 600 - 700 m; miền Nam trên 900 - 1000 m.
- B. ở miền Bắc và miền Nam dưới 600 - 700m đến 900 - 1000 m.
- C. ở miền Bắc dưới 600 - 700 m; miền Nam dưới 900 - 1000 m.
- D. ở miền Bắc dưới 900 - 1000 m, miền Nam dưới 600 - 700m.

Câu 5. Thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió, ở nước ta thường có hoạt động của loại gió nào sau đây?

- A. Gió mùa Đông Bắc.
- B. Gió mùa Tây Nam.
- C. Tín phong.
- D. Gió Lào.

Câu 6. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

- A. Bắc - Nam.
- B. Tây - Đông.
- C. Độ cao.
- D. Đông - Tây.

Câu 7. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ là nhân tố quan trọng

- A. tạo ra sự khác biệt về thành phần tự nhiên ở các miền của nước ta.
- B. làm cho địa hình của nước ta chủ yếu là núi cao.
- C. quy định tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên Việt Nam.
- D. làm cho thiên nhiên nước ta không bị phân hoá.

Câu 8. Hai nhóm đất chính của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. đất feralit và đất phù sa.
- B. đất feralit và đất xám.
- C. đất mặn và đất phù sa.
- D. đất phù sa và đất xám.

Câu 9. Biện pháp hiệu quả nhất nhằm đảm bảo sự cân bằng tài nguyên nước ở nước ta hiện nay

- A. tăng độ che phủ, xây dựng các công trình giữ nước.
- B. xử lý nghiêm hành vi xả nước bẩn ra môi trường.
- C. sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và chống ô nhiễm nước.
- D. tăng độ che phủ, canh tác đúng kĩ thuật trên đất dốc.

Câu 10. Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng nước ta suy giảm nhanh là do

- A. khai thác quá mức.
- B. cháy rừng.
- C. chiến tranh.
- D. trồng rừng chưa hiệu quả.

Câu 11. Sông ngòi của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có hai hướng chính là

- A. tây bắc - đông nam và vòng cung.
- B. đông - tây và vòng cung.
- C. đông - đông bắc và tây - tây bắc.
- D. tây nam - đông bắc và vòng cung.

Câu 12. Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.
- B. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô.
- C. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.
- D. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 13. Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam là

- A. nhiệt đới và cận nhiệt đới.
- B. cận xích đạo và ôn đới.
- C. cận nhiệt đới và xích đạo.
- D. xích đạo và nhiệt đới.

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lý của nước ta?

- A. Là nơi di cư của nhiều loài sinh vật nhiệt đới.
- B. Nằm ở nơi tập trung tài nguyên khoáng sản lớn bậc nhất của thế giới.
- C. Nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- D. Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến của cả hai bán cầu.

Câu 15. Từ 16°B trở vào Nam hầu như không chịu ảnh hưởng của

- A. Tín phong.
- B. gió mùa Đông Bắc.
- C. gió mùa Đông Nam.
- D. gió mùa Tây Nam.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin:

Nước ta nằm ở phía đông của bán đảo Đông Dương, phần đất liền tiếp giáp với 3 quốc gia. Trên biển, Việt Nam có chung biển Đông với nhiều quốc gia khác. Nước ta nằm ở vị trí trung chuyển của các tuyến đường hàng hải và hàng không quốc tế, cũng như các tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Á.

- a) Vị trí địa lý đã tạo nhiều thuận lợi cho nước ta trong việc bảo vệ an ninh quốc phòng.
- b) Ba quốc gia tiếp giáp với nước ta trên đất liền là: Trung Quốc, Thái Lan, Lào.
- c) Nước ta là cửa ngõ thông ra biển của một số quốc gia trong khu vực.
- d) Vị trí địa lý đã tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng giao lưu, phát triển các ngành kinh tế biển.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin:

Từ tháng 6 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16°B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

- a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh.
- b) Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.
- c) Gió mùa Đông Bắc bị biến tính khi đi qua biển nên gây mưa phùn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.
- d) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân tạo nên mùa khô cho cả nước.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

*Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng I và tháng 7
tại một số địa điểm ở nước ta*

(Đơn vị: °C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng VII (°C)	Nhiệt độ trung bình năm (°C)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Huế	19,7	29,4	25,1
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	27,1

- a) càng vào Nam, nhiệt độ trung bình năm càng tăng.
- b) vào tháng 7 nhiệt độ trung bình các nơi đều cao hơn tháng 1.
- c) nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 ở các nơi thay đổi theo cùng quy luật.
- d) vào tháng 1, vĩ độ càng tăng thì nhiệt độ trung bình càng giảm.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2021 tại trạm khí tượng Đà Nẵng

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	34,7	32,1	14,6	21,4	2,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê 2022)

- Lượng mưa lớn vào thu đông chủ yếu do hoạt động của gió mùa và dải hội tụ nhiệt đới.
- Mùa mưa kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5.
- Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 9.
- Lượng mưa trung bình năm của Đà Nẵng là 2492,1mm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 0,331212 triệu km², số dân năm 2022 là 99,47 triệu người (niên giám thống kê năm 2022). Vậy mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại một số địa điểm ở nước ta

(Đơn vị: °C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,7	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội.

Câu 3. Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản đạt 9,23 triệu tấn trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 5,43 triệu tấn. Tỉ trọng sản lượng thủy sản khai thác của nước ta năm 2023? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

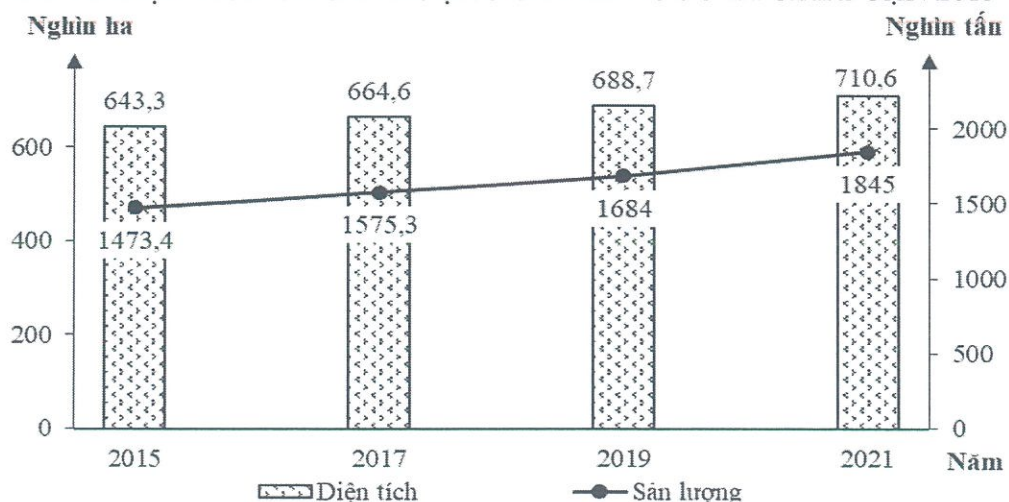
LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG NĂM 2022 TẠI VINH

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lượng mưa (mm)	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa tại Vinh năm 2022? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 5. Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ VỀ DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2021



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết năng suất cà phê của nước ta năm 2019 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2005 và năm 2021

Năm	2005	2021
Tiêu chí		
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,3292	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	35,8329	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2005. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha).

----- **HẾT** -----

*Được
SVC*

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 125

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của nước ta?

- A. Nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.
- B. Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai.
- C. Nằm trong khu vực chịu tác động mạnh của gió Tây ôn đới.
- D. Nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của Tín phong.

Câu 2. Trong những năm gần đây diện tích đất hoang đồi núi trọc giảm mạnh chủ yếu do

- A. toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng.
- B. tập trung phát triển thủy điện và thủy lợi.
- C. nạn du canh, du cư ngày càng phổ biến.
- D. khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng trọt.

Câu 3. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm:

- A. đất liền và biển Đông.
- B. vùng đất, vùng biển và vùng trời.
- C. đất liền và các đảo ven bờ.
- D. vùng đất, vùng biển và các quần đảo.

Câu 4. Theo độ cao, thiên nhiên nước ta phân hóa thành bao nhiêu đai?

- A. 4.
- B. 3.
- C. 5.
- D. 2.

Câu 5. Nước ta tiếp giáp vùng biển nhiệt đới rộng nên có

- A. có nhiều bão, áp thấp nhiệt đới.
- B. rừng ngập mặn ven biển rộng.
- C. nhiều loại khoáng sản kim loại.
- D. địa hình ven biển khá đa dạng.

Câu 6. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

- A. Đông - Tây.
- B. Độ cao.
- C. Tây - Đông.
- D. Bắc - Nam.

Câu 7. So với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông

- A. đến sớm và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ xuống thấp.
- B. ngắn và nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.
- C. đến sớm và kết thúc sớm hơn, nhiệt độ cao hơn.
- D. thường đến muộn và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ ít thay đổi.

Câu 8. Khoáng sản có trữ lượng lớn của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ so với các miền khác là

- A. than đá.
- B. bô - xít.
- C. a - pa - tit.
- D. ti - tan.

Câu 9. Diện tích rừng nước ta bị thu hẹp chủ yếu do

- A. khai thác bừa bãi và cháy rừng.
- B. dịch bệnh.
- C. chiến tranh.
- D. cháy rừng và các thiên tai khác.

Câu 10. Miền Bắc có thời tiết lạnh, khô vào đầu mùa đông là do

- A. Tín phong hoạt động mạnh lấn át gió mùa Đông Bắc.
- B. gió mùa Tây Nam vượt dãy Trường Sơn.
- C. gió mùa Đông Bắc di chuyển qua lục địa.
- D. gió mùa Tây Nam bắt đầu hoạt động.

Câu 11. Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện qua

- A. thời tiết luôn ẩm áp, ít chịu ảnh hưởng của các loại thiên tai.
- B. lượng mưa trong năm lớn, nhiệt độ trung bình năm thấp.
- C. sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam và sự đối lập về mùa.
- D. số giờ nắng nhiều, tổng lượng bức xạ lớn và nhiệt độ trung bình năm cao.

Câu 12. Đặc điểm nào sau đây đúng với địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Đồi núi thấp và đồng bằng là chủ yếu, núi có hướng vòng cung.
- B. Đồi và núi thấp là chủ yếu, núi có hướng tây – đông.
- C. Đồng bằng là chủ yếu, chỉ có một số núi sót.
- D. Núi cao là chủ yếu, núi có hướng tây bắc – đông nam.

Câu 13. Số ngày mưa nhiều, tổng lượng mưa lớn và độ ẩm không khí trung bình năm cao là biểu hiện

- A. tính phân hoá của khí hậu.
- B. tính nhiệt đới của khí hậu.
- C. tính ẩm của khí hậu.
- D. về cân bằng ẩm của khí hậu.

Câu 14. Ở vùng lãnh thổ phía Bắc, thành phần loài chiếm ưu thế là

- A. cận nhiệt.
- B. ôn đới.
- C. xích đạo.
- D. nhiệt đới.

Câu 15. Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

- A. hoạt động của bão.
- B. chế độ mưa mùa.
- C. sự đa dạng của hệ thống sông ngòi.
- D. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin:

Con người cần khai thác những thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa vào các hoạt động sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Đây là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển nền nông nghiệp toàn diện, sản xuất nông nghiệp hàng hoá để đáp ứng như cầu trong nước và tạo nhiều mặt hàng xuất khẩu.

a) Thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là nền nhiệt, ẩm dồi dào, đất đai màu mỡ, nguồn nước phong phú.

b) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa giúp cho sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, ổn định, ít rủi ro.

c) Nước ta có thể sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm.

d) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm theo hình thức thâm canh, tăng vụ.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin:

Việt Nam nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, điểm cực Bắc nước ta ở 23° 23' B, cực Nam ở 8° 34' B, cực Tây ở 102° 09' Đ và cực Đông ở 109° 28' Đ. Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ 6° 50' B và từ kinh độ 101° Đ đến khoảng kinh độ 117° 20' Đ.

a) Nước ta thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á và Tín phong.

b) Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

c) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài khoảng 15 vĩ độ.

d) Nhờ vị trí địa lí nên nước ta ít chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình và lượng mưa các tháng của nước ta năm 2021

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7
Lượng mưa (mm)	1,0	0,0	0,0	150,9	194,4	129,0	239,1	92,3	193,0	269,5	130,2	0,3

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

a) Mùa mưa và mùa khô phân hóa sâu sắc.

b) Vũng Tàu không có tháng lạnh.

c) Tổng lượng mưa năm 2021 là trên 2 000 mm.

d) Mùa khô ở Vũng Tàu chủ yếu do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam

Câu 4. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM , NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG 1, THÁNG 7 TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM NƯỚC TA

Trạm khí tượng	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,4	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

- a) Huế có biên độ nhiệt độ năm cao nhất do vị trí địa lí quy định.
b) Hà Nội có biên độ nhiệt độ năm cao là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
c) Biên độ nhiệt trung bình năm giảm dần từ Bắc xuống Nam.
d) Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc xuống Nam.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI HÀ NỘI NĂM 2022

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Nhiệt độ (°C)	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của độ C).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2008 và năm 2021

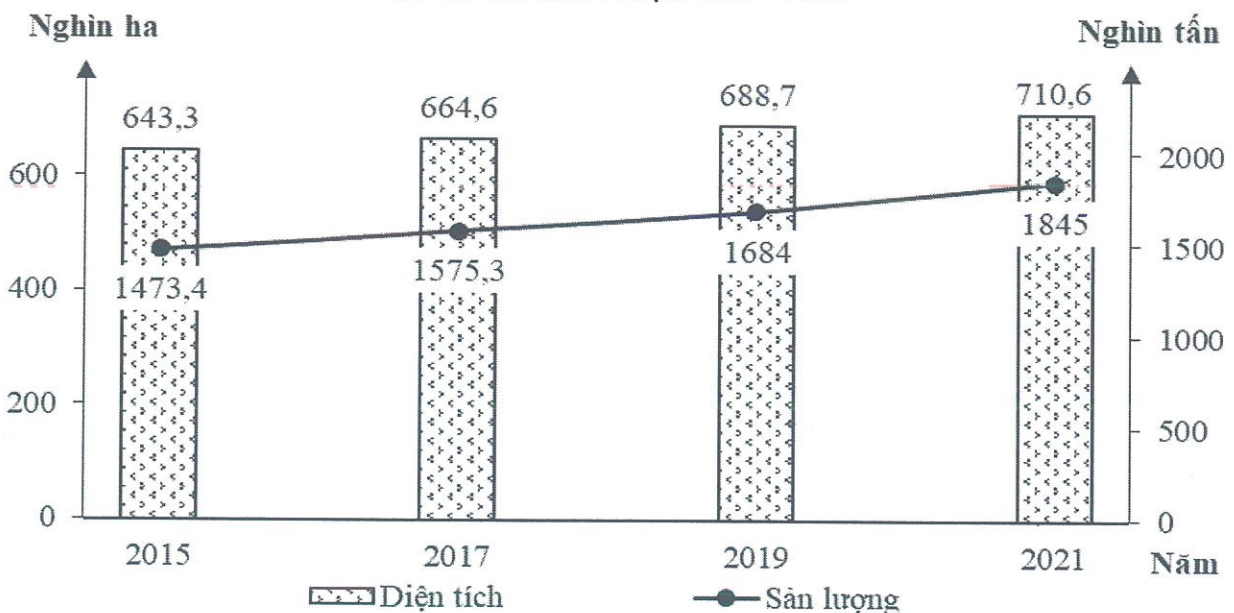
Năm	2008	2021
Tiêu chí		
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,4222	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	38,7298	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2008. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha).

Câu 3. Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ VỀ DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2021



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết năng suất cà phê của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

*Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7
tại một số địa điểm ở nước ta*

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 ($^{\circ}\text{C}$)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,7	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính biên độ nhiệt trung bình năm của thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 5. Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản đạt 9,23 triệu tấn trong đó sản lượng thủy sản khai thác đạt 3,8 triệu tấn. Tỷ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2023? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 6. Năm 2021, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 134,5 nghìn ha, số dân là 98,5 triệu người. Tính mật độ dân số của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km^2)

----- **HẾT** -----

Môn: Địa - Ngày KT:/10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 126

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Nước ta tiếp giáp vùng biển nhiệt đới rộng nên có

- A. địa hình ven biển khá đa dạng. B. nhiều loại khoáng sản kim loại.
C. rừng ngập mặn ven biển rộng. D. có nhiều bão, áp thấp nhiệt đới.

Câu 2. Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lí của nước ta?

- A. Là nơi di cư của nhiều loài sinh vật nhiệt đới.
B. Nằm ở nơi tập trung tài nguyên khoáng sản lớn bậc nhất của thế giới.
C. Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến của cả hai bán cầu.
D. Nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.

Câu 3. Từ 16⁰B trở vào Nam hầu như không chịu ảnh hưởng của

- A. gió mùa Đông Nam. B. Tín phong. C. gió mùa Tây Nam. D. gió mùa Đông Bắc.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng nước ta suy giảm nhanh là do

- A. trồng rừng chưa hiệu quả. B. khai thác quá mức.
C. cháy rừng. D. chiến tranh.

Câu 5. Thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió, ở nước ta thường có hoạt động của loại gió nào sau đây?

- A. Tín phong. B. Gió mùa Tây Nam. C. Gió mùa Đông Bắc. D. Gió Lào.

Câu 6. Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do

- A. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa. B. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.
C. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô. D. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.

Câu 7. Sông ngòi của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có hai hướng chính là

- A. đông – đông bắc và tây – tây bắc. B. tây bắc – đông nam và vòng cung.
C. đông – tây và vòng cung. D. tây nam – đông bắc và vòng cung.

Câu 8. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

- A. Độ cao. B. Bắc - Nam. C. Đông - Tây. D. Tây - Đông.

Câu 9. Gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân chủ yếu

- A. gây mưa phùn vào đầu xuân trên toàn lãnh thổ nước ta.
B. gây mưa vào mùa hạ trên toàn lãnh thổ nước ta.
C. gây thời tiết lạnh, khô cho miền Bắc nước ta.
D. làm cho miền Bắc nước ta có mùa đông lạnh.

Câu 10. Biện pháp hiệu quả nhất nhằm đảm bảo sự cân bằng tài nguyên nước ở nước ta hiện nay

- A. sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và chống ô nhiễm nước.
B. tăng độ che phủ, canh tác đúng kĩ thuật trên đất dốc.
C. xử lí nghiêm hành vi xả nước bẩn ra môi trường.
D. tăng độ che phủ, xây dựng các công trình giữ nước.

Câu 11. Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam là

- A. xích đạo và nhiệt đới. B. cận nhiệt đới và xích đạo.
C. nhiệt đới và cận nhiệt đới. D. cận xích đạo và ôn đới.

Câu 12. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ là nhân tố quan trọng

- A. làm cho thiên nhiên nước ta không bị phân hoá.
B. làm cho địa hình của nước ta chủ yếu là núi cao.
C. tạo ra sự khác biệt về thành phần tự nhiên ở các miền của nước ta.
D. quy định tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên Việt Nam.

Câu 13. Hai nhóm đất chính của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. đất phù sa và đất xám. B. đất feralit và đất xám.
C. đất feralit và đất phù sa. D. đất mặn và đất phù sa.

Câu 14. Đại nhiệt đới gió mùa phân bố ở độ cao trung bình

- A. ở miền Bắc trên 600 - 700 m; miền Nam trên 900 - 1000 m.
B. ở miền Bắc dưới 600 - 700 m; miền Nam dưới 900 - 1000 m.
C. ở miền Bắc và miền Nam dưới 600 - 700m đến 900 - 1000 m.
D. ở miền Bắc dưới 900 - 1000 m, miền Nam dưới 600 - 700m.

Câu 15. Biểu hiện nào sau đây đúng với thiên nhiên ở đại nhiệt đới gió mùa?

- A. Nhiệt độ thấp dưới 15°C , đất mùn thô, sinh vật ôn đới đa dạng.
B. Nhiệt độ cao, đất feralit đỏ vàng và nâu đỏ, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
C. Nhiệt độ cao, đất mùn thô, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
D. Khí hậu mát mẻ, đất feralit có mùn, rừng lá kim.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2021 tại trạm khí tượng Đà Nẵng

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	34,7	32,1	14,6	21,4	2,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê 2022)

- a) Lượng mưa trung bình năm của Đà Nẵng là 2492,1mm.
b) Mùa mưa kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5.
c) Lượng mưa lớn vào thu đông chủ yếu do hoạt động của gió mùa và dải hội tụ nhiệt đới.
d) Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 9.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng I và tháng 7 tại một số địa điểm ở nước ta

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng VII ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Huế	19,7	29,4	25,1
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	27,1

- a) càng vào Nam, nhiệt độ trung bình năm càng tăng.
b) nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 ở các nơi thay đổi theo cùng quy luật.
c) vào tháng 1, vĩ độ càng tăng thì nhiệt độ trung bình càng giảm.
d) vào tháng 7 nhiệt độ trung bình các nơi đều cao hơn tháng 1.

Câu 3. Đọc đoạn thông tin:

Nước ta nằm ở phía đông của bán đảo Đông Dương, phần đất liền tiếp giáp với 3 quốc gia. Trên biển, Việt Nam có chung biên Đông với nhiều quốc gia khác. Nước ta nằm ở vị trí trung chuyển của các tuyến đường hàng hải và hàng không quốc tế, cũng như các tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Á.

- a) Vị trí địa lý đã tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng giao lưu, phát triển các ngành kinh tế biển.
b) Ba quốc gia tiếp giáp với nước ta trên đất liền là: Trung Quốc, Thái Lan, Lào.
c) Vị trí địa lý đã tạo nhiều thuận lợi cho nước ta trong việc bảo vệ an ninh quốc phòng.
d) Nước ta là cửa ngõ thông ra biển của một số quốc gia trong khu vực.

Đoạn

Câu 4. Đọc đoạn thông tin:

Từ tháng 6 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16⁰B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

a) Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.

b) Gió mùa Đông Bắc bị biến tính khi đi qua biển nên gây mưa phùn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

c) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh.

d) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân tạo nên mùa khô cho cả nước.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản đạt 9,23 triệu tấn trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 5,43 triệu tấn. Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác của nước ta năm 2023? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG NĂM 2022 TẠI VINH

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lượng mưa (mm)	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa tại Vinh năm 2022? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại một số địa điểm ở nước ta

(Đơn vị: ⁰C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm (⁰ C)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 (⁰ C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (⁰ C)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,7	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

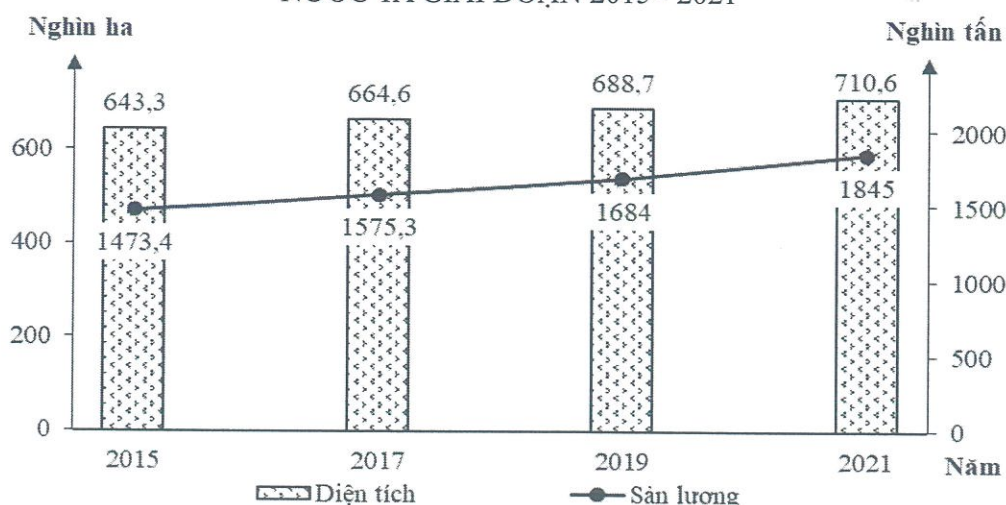
(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội.

Câu 4. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 0,331212 triệu km², số dân năm 2022 là 99,47 triệu người (niên giám thống kê năm 2022). Vậy mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/km²? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²).

Câu 5. Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ VỀ DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2021



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết năng suất cà phê của nước ta năm 2019 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2005 và năm 2021

Năm Tiêu chí	2005	2021
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,3292	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	35,8329	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2005. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha).

----- **HẾT** -----

*ĐO
RT
Sm*

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

Môn: Địa - Ngày KT: /10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 127

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Số ngày mưa nhiều, tổng lượng mưa lớn và độ ẩm không khí trung bình năm cao là biểu hiện

- A. tính phân hoá của khí hậu. B. về cân bằng ẩm của khí hậu.
C. tính nhiệt đới của khí hậu. D. tính ẩm của khí hậu.

Câu 2. Miền Bắc có thời tiết lạnh, khô vào đầu mùa đông là do

- A. Tín phong hoạt động mạnh lấn át gió mùa Đông Bắc.
B. gió mùa Tây Nam bắt đầu hoạt động.
C. gió mùa Tây Nam vượt dãy Trường Sơn.
D. gió mùa Đông Bắc di chuyển qua lục địa.

Câu 3. Diện tích rừng nước ta bị thu hẹp chủ yếu do

- A. khai thác bừa bãi và cháy rừng. B. cháy rừng và các thiên tai khác.
C. dịch bệnh. D. chiến tranh.

Câu 4. Nước ta tiếp giáp vùng biển nhiệt đới rộng nên có

- A. nhiều loại khoáng sản kim loại. B. có nhiều bão, áp thấp nhiệt đới.
C. địa hình ven biển khá đa dạng. D. rừng ngập mặn ven biển rộng.

Câu 5. Theo độ cao, thiên nhiên nước ta phân hóa thành bao nhiêu đai?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 2.

Câu 6. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với vị trí địa lí của nước ta?

- A. Nằm trong khu vực chịu tác động mạnh của gió Tây ôn đới.
B. Nằm trong khu vực có nhiều thiên tai.
C. Nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.
D. Nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của Tín phong.

Câu 7. Tính nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện qua

- A. số giờ nắng nhiều, tổng lượng bức xạ lớn và nhiệt độ trung bình năm cao.
B. sự thay đổi nhiệt độ từ Bắc vào Nam và sự đối lập về mùa.
C. thời tiết luôn ẩm áp, ít chịu ảnh hưởng của các loại thiên tai.
D. lượng mưa trong năm lớn, nhiệt độ trung bình năm thấp.

Câu 8. Đặc điểm nào sau đây đúng với địa hình của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Đồi núi thấp và đồng bằng là chủ yếu, núi có hướng vòng cung.
B. Đồi và núi thấp là chủ yếu, núi có hướng tây – đông.
C. Núi cao là chủ yếu, núi có hướng tây bắc – đông nam.
D. Đồng bằng là chủ yếu, chỉ có một số núi sót.

Câu 9. Trong những năm gần đây diện tích đất hoang đồi núi trọc giảm mạnh chủ yếu do

- A. toàn dân đẩy mạnh bảo vệ rừng và trồng rừng.
B. tập trung phát triển thủy điện và thủy lợi.
C. khai hoang, mở rộng diện tích đất trồng trọt.
D. nạn du canh, du cư ngày càng phổ biến.

Câu 10. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

- A. Tây - Đông. B. Đông - Tây. C. Bắc - Nam. D. Độ cao.

Câu 11. Khoáng sản có trữ lượng lớn của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ so với các miền khác là

- A. a – pa – tit. B. than đá. C. ti – tan. D. bô – xít.

Câu 12. Ở vùng lãnh thổ phía Bắc, thành phần loài chiếm ưu thế là

- A. nhiệt đới. B. ôn đới. C. xích đạo. D. cận nhiệt.

Câu 13. Sông ngòi nước ta có chế độ nước theo mùa là do

- A. chế độ mưa mùa. B. sự đa dạng của hệ thống sông ngòi.
C. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới. D. hoạt động của bão.

Câu 14. So với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có mùa đông

- A. đến sớm và kết thúc sớm hơn, nhiệt độ cao hơn.
B. đến sớm và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ xuống thấp.
C. thường đến muộn và kết thúc muộn hơn, nhiệt độ ít thay đổi.
D. ngắn và nhiệt độ trung bình năm trên 20°C .

Câu 15. Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm:

- A. vùng đất, vùng biển và vùng trời.
B. đất liền và các đảo ven bờ.
C. đất liền và biển Đông.
D. vùng đất, vùng biển và các quần đảo.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình và lượng mưa các tháng của nước ta năm 2021

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7
Lượng mưa (mm)	1,0	0,0	0,0	150,9	194,4	129,0	239,1	92,3	193,0	269,5	130,2	0,3

(Nguồn : Niên giám thống kê Việt Nam năm 2021)

- a) Mùa khô ở Vũng Tàu chủ yếu do ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam
b) Vũng Tàu không có tháng lạnh.
c) Mùa mưa và mùa khô phân hóa sâu sắc.
d) Tổng lượng mưa năm 2021 là trên 2 000 mm.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin:

Việt Nam nằm gần trung tâm khu vực Đông Nam Á. Trên đất liền, điểm cực Bắc nước ta ở $23^{\circ} 23' \text{B}$, cực Nam ở $8^{\circ} 34' \text{B}$, cực Tây ở $102^{\circ} 09' \text{Đ}$ và cực Đông ở $109^{\circ} 28' \text{Đ}$. Vùng biển nước ta kéo dài tới khoảng vĩ độ $6^{\circ} 50' \text{B}$ và từ kinh độ 101°Đ đến khoảng kinh độ $117^{\circ} 20' \text{Đ}$.

- a) Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
b) Nhờ vị trí địa lí nên nước ta ít chịu ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu.
c) Nước ta thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á và Tín phong.
d) Lãnh thổ phần đất liền nước ta kéo dài khoảng 15 vĩ độ.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM, NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG 1, THÁNG 7 TẠI MỘT SỐ ĐỊA ĐIỂM NƯỚC TA

Trạm khí tượng	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 ($^{\circ}\text{C}$)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,4	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2022)

- a) Huế có biên độ nhiệt độ năm cao nhất do vị trí địa lí quy định.
b) Biên độ nhiệt trung bình năm giảm dần từ Bắc xuống Nam.
c) Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc xuống Nam.
d) Hà Nội có biên độ nhiệt độ năm cao là do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

ĐTC
SM

Câu 4. Đọc đoạn thông tin:

Con người cần khai thác những thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa vào các hoạt động sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông nghiệp. Đây là điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển nền nông nghiệp toàn diện, sản xuất nông nghiệp hàng hoá để đáp ứng nhu cầu trong nước và tạo nhiều mặt hàng xuất khẩu.

a) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo điều kiện để sản xuất nông nghiệp được tiến hành quanh năm theo hình thức thâm canh, tăng vụ.

b) Nước ta có thể sản xuất ra các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của vùng nhiệt đới ẩm.

c) Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa giúp cho sản xuất nông nghiệp có năng suất cao, ổn định, ít rủi ro.

d) Thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là nền nhiệt, ẩm dồi dào, đất đai màu mỡ, nguồn nước phong phú.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

*Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7
tại một số địa điểm ở nước ta*

(Đơn vị: °C)

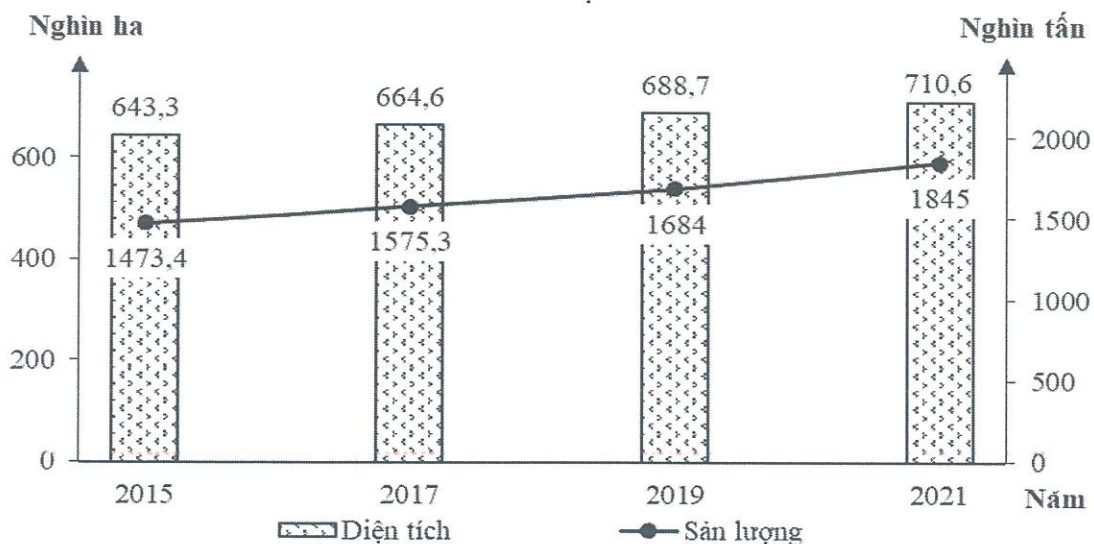
Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 (°C)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 (°C)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,7	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính biên độ nhiệt trung bình năm của thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 2. Cho biểu đồ:

**BIỂU ĐỒ VỀ DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ
NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2021**



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết năng suất cà phê của nước ta năm 2021 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2008 và năm 2021

Năm	2008	2021
Tiêu chí		
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,4222	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	38,7298	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2008. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha).

Đ2 14
Đ2

Câu 4. Năm 2021, diện tích đất tự nhiên của nước ta là 33 134,5 nghìn ha, số dân là 98,5 triệu người. Tính mật độ dân số của nước ta năm 2021. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²)

Câu 5. Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản đạt 9,23 triệu tấn trong đó sản lượng thủy sản khai thác đạt 3,8 triệu tấn. Tỷ trọng sản lượng thủy sản nuôi trồng của nước ta năm 2023? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI HÀ NỘI NĂM 2022

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Nhiệt độ (°C)	18,6	15,3	23,4	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân của độ C).

----- **HẾT** -----

Đỗ Vũ
SNC

ĐỀ KIỂM TRA CHÍNH THỨC

Môn: Địa - Ngày KT:/10/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

(Đề thi gồm 4 trang)

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề 128

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 15. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Thành phần loài chiếm ưu thế ở phần lãnh thổ phía Nam là

- A. nhiệt đới và cận nhiệt đới. B. xích đạo và nhiệt đới.
C. cận nhiệt đới và xích đạo. D. cận xích đạo và ôn đới.

Câu 2. Thời kì chuyển tiếp giữa hai mùa gió, ở nước ta thường có hoạt động của loại gió nào sau đây?

- A. Gió mùa Tây Nam. B. Tín phong. C. Gió mùa Đông Bắc. D. Gió Lào.

Câu 3. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ là nhân tố quan trọng

- A. làm cho địa hình của nước ta chủ yếu là núi cao.
B. tạo ra sự khác biệt về thành phần tự nhiên ở các miền của nước ta.
C. làm cho thiên nhiên nước ta không bị phân hoá.
D. quy định tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của tự nhiên Việt Nam.

Câu 4. Biện pháp hiệu quả nhất nhằm đảm bảo sự cân bằng tài nguyên nước ở nước ta hiện nay

- A. xử lí nghiêm hành vi xả nước bẩn ra môi trường.
B. tăng độ che phủ, canh tác đúng kĩ thuật trên đất dốc.
C. tăng độ che phủ, xây dựng các công trình giữ nước.
D. sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và chống ô nhiễm nước.

Câu 5. Đại nhiệt đới gió mùa phân bố ở độ cao trung bình

- A. ở miền Bắc dưới 900 - 1000 m, miền Nam dưới 600 - 700m.
B. ở miền Bắc trên 600 - 700 m; miền Nam trên 900 - 1000 m.
C. ở miền Bắc dưới 600 - 700 m; miền Nam dưới 900 - 1000 m.
D. ở miền Bắc và miền Nam dưới 600 - 700m đến 900 - 1000 m.

Câu 6. Nước ta tiếp giáp vùng biển nhiệt đới rộng nên có

- A. rừng ngập mặn ven biển rộng. B. địa hình ven biển khá đa dạng.
C. nhiều loại khoáng sản kim loại. D. có nhiều bão, áp thấp nhiệt đới.

Câu 7. Biểu hiện nào sau đây đúng với thiên nhiên ở đại nhiệt đới gió mùa?

- A. Nhiệt độ thấp dưới 15°C, đất mùn thô, sinh vật ôn đới đa dạng.
B. Nhiệt độ cao, đất feralit đỏ vàng và nâu đỏ, sinh vật nhiệt đới đa dạng.
C. Khí hậu mát mẻ, đất feralit có mùn, rừng lá kim.
D. Nhiệt độ cao, đất mùn thô, sinh vật nhiệt đới đa dạng.

Câu 8. Hai nhóm đất chính của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. đất mặn và đất phù sa. B. đất phù sa và đất xám.
C. đất feralit và đất phù sa. D. đất feralit và đất xám.

Câu 9. Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng nước ta suy giảm nhanh là do

- A. cháy rừng. B. chiến tranh.
C. khai thác quá mức. D. trồng rừng chưa hiệu quả.

Câu 10. Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo chiều

- A. Bắc - Nam. B. Đông - Tây. C. Độ cao. D. Tây - Đông.

Câu 11. Gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới là nguyên nhân chủ yếu

- A. gây thời tiết lạnh, khô cho miền Bắc nước ta.
B. gây mưa vào mùa hạ trên toàn lãnh thổ nước ta.
C. gây mưa phùn vào đầu xuân trên toàn lãnh thổ nước ta.
D. làm cho miền Bắc nước ta có mùa đông lạnh.

Câu 12. Từ 16⁰B trở vào Nam hầu như không chịu ảnh hưởng của

- A. Tín phong. B. gió mùa Đông Bắc. C. gió mùa Tây Nam. D. gió mùa Đông Nam.

Câu 13. Chế độ sông ngòi ở nước ta phân hóa theo mùa là do

- A. địa hình có độ dốc lớn, nước mưa nhiều.
B. khí hậu phân hóa mùa mưa và mùa khô.
C. địa hình chủ yếu là đồi núi, mưa nhiều.
D. đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

Câu 14. Sông ngòi của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có hai hướng chính là

- A. tây bắc – đông nam và vòng cung. B. đông – tây và vòng cung.
C. tây nam – đông bắc và vòng cung. D. đông – đông bắc và tây – tây bắc.

Câu 15. Đặc điểm nào sau đây đúng với vị trí địa lí của nước ta?

- A. Nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến của cả hai bán cầu.
B. Nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc.
C. Là nơi di cư của nhiều loài sinh vật nhiệt đới.
D. Nằm ở nơi tập trung tài nguyên khoáng sản lớn bậc nhất của thế giới.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Đọc đoạn thông tin:

Nước ta nằm ở phía đông của bán đảo Đông Dương, phần đất liền tiếp giáp với 3 quốc gia. Trên biển, Việt Nam có chung biển Đông với nhiều quốc gia khác. Nước ta nằm ở vị trí trung chuyển của các tuyến đường hàng hải và hàng không quốc tế, cũng như các tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Á.

- a) Ba quốc gia tiếp giáp với nước ta trên đất liền là: Trung Quốc, Thái Lan, Lào.
b) Vị trí địa lí đã tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng giao lưu, phát triển các ngành kinh tế biển.
c) Nước ta là cửa ngõ thông ra biển của một số quốc gia trong khu vực.
d) Vị trí địa lí đã tạo nhiều thuận lợi cho nước ta trong việc bảo vệ an ninh quốc phòng.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin:

Từ tháng 6 đến tháng 4 năm sau, miền Bắc nước ta chịu tác động mạnh của gió mùa Đông Bắc. Nửa đầu mùa đông, miền Bắc có thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông có thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Từ 16⁰B trở vào Nam, khối khí lạnh đã bị suy yếu nên Tín phong bán cầu Bắc chiếm ưu thế.

- a) Hoạt động của gió mùa Đông Bắc đã làm cho miền Bắc có một mùa đông lạnh.
b) Gió mùa Đông Bắc là nguyên nhân tạo nên mùa khô cho cả nước.
c) Tín phong bán cầu Bắc là nguyên nhân chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ và Tây Nguyên.
d) Gió mùa Đông Bắc bị biến tính khi đi qua biển nên gây mưa phùn vào cuối mùa đông ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

Lượng mưa các tháng năm 2021 tại trạm khí tượng Đà Nẵng

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	34,7	32,1	14,6	21,4	2,1	38,5	12,5	93,5	800,4	782,8	271,0	485,8

(Nguồn: Niên giám thống kê 2022, NXB Thống kê 2022)

- a) Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 9.
b) Lượng mưa lớn vào thu đông chủ yếu do hoạt động của gió mùa và dải hội tụ nhiệt đới.
c) Mùa mưa kéo dài từ tháng 1 đến tháng 5.
d) Lượng mưa trung bình năm của Đà Nẵng là 2492,1mm.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7
tại một số địa điểm ở nước ta

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

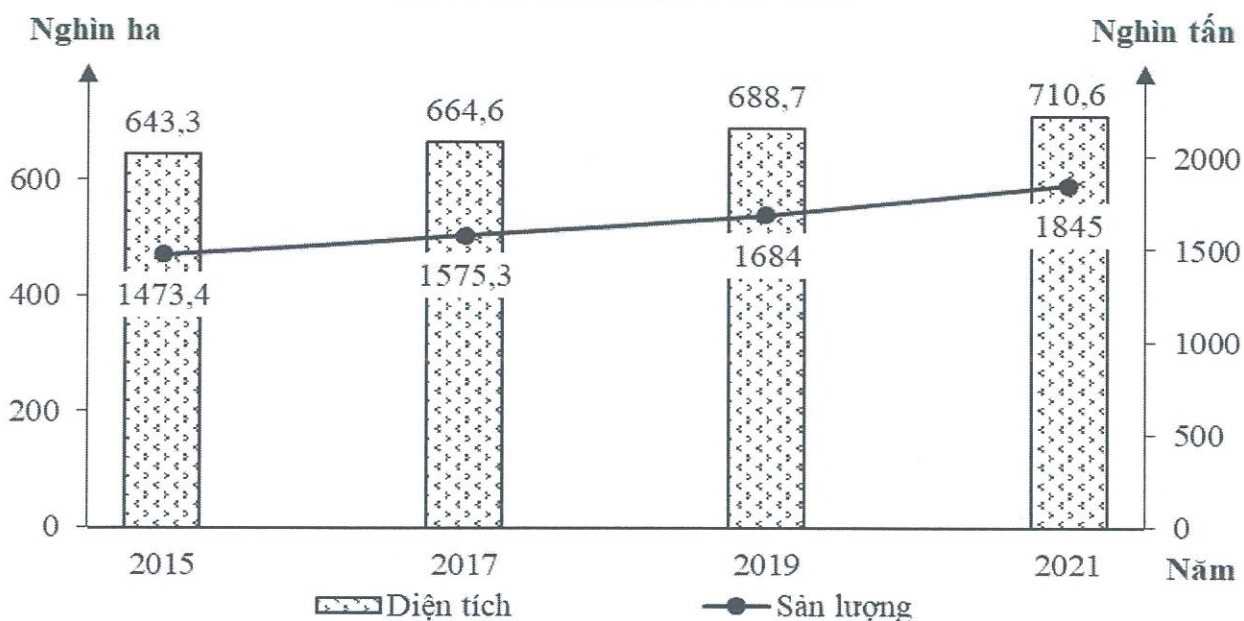
Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng I ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng VII ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)
Lạng Sơn	13,3	27,0	21,2
Hà Nội	16,4	28,9	23,5
Huế	19,7	29,4	25,1
TP. Hồ Chí Minh	25,8	27,1	27,1

- vào tháng 7 nhiệt độ trung bình các nơi đều cao hơn tháng 1.
- nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 ở các nơi thay đổi theo cùng quy luật.
- vào tháng 1, vĩ độ càng tăng thì nhiệt độ trung bình càng giảm.
- càng vào Nam, nhiệt độ trung bình năm càng tăng.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho biểu đồ:

BIỂU ĐỒ VỀ DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ
NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2015 - 2021



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết năng suất cà phê của nước ta năm 2019 là bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tạ/ha)

Câu 2. Biết diện tích tự nhiên của Việt Nam là 0,331212 triệu km^2 , số dân năm 2022 là 99,47 triệu người (niên giám thống kê năm 2022). Vậy mật độ dân số nước ta năm 2022 là bao nhiêu người/ km^2 ? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km^2).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA CÁC THÁNG NĂM 2022 TẠI VINH

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lượng mưa (mm)	27,4	77,2	68,8	110,8	280,7	63,8	255,6	166,3	1166,7	352,0	718,6	47,2

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính tổng lượng mưa trong mùa mưa tại Vinh năm 2022? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của mm).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

*Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7
tại một số địa điểm ở nước ta*

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình năm ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 1 ($^{\circ}\text{C}$)	Nhiệt độ trung bình tháng 7 ($^{\circ}\text{C}$)
Hà Nội	23,5	16,4	28,9
Huế	25,1	19,7	29,4
Thành phố Hồ Chí Minh	27,1	25,7	28,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Tính biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội.

Câu 5. Năm 2023, tổng sản lượng thủy sản đạt 9,23 triệu tấn trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 5,43 triệu tấn. Tỷ trọng sản lượng thủy sản khai thác của nước ta năm 2023? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích gieo trồng và sản lượng lúa của nước ta năm 2005 và năm 2021

Năm	2005	2021
Tiêu chí		
Diện tích gieo trồng (triệu ha)	7,3292	7,2
Sản lượng (triệu tấn)	35,8329	43,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa của nước ta năm 2021 tăng thêm bao nhiêu tạ/ha so với năm 2005. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của tạ/ha).

----- **HẾT** -----

Đoàn Thị Sơn

Đề\câu	121	122	123	124	125	126	127	128	129
1	D	D	D	A	C	D	D	B	D
2	C	C	C	D	A	D	D	B	D
3	D	B	D	A	B	D	A	D	D
4	A	C	C	C	B	B	B	B	D
5	C	A	D	C	A	A	A	C	D
6	A	C	D	D	A	C	A	D	B
7	D	D	C	C	A	B	A	B	B
8	D	C	B	A	A	C	A	C	C
9	B	D	A	D	A	B	A	C	B
10	B	C	C	A	C	B	B	B	C
11	B	B	C	A	D	A	B	B	B
12	C	B	B	B	A	D	A	B	B
13	A	B	A	D	C	C	A	B	A
14	D	A	D	C	D	B	B	A	D
15	D	C	B	B	B	B	A	B	B
Câu hỏi Đúng/ Sai									
Câu 1	DDSD	SDDS	SDDS	SSDD	DSDD	SSDD	DSSD	SDDS	DDSD
Câu 2	SDDS	DDDS	DDSD	DDDS	DDSS	DSDD	DSDD	DSDD	DSSD
Câu 3	SDDD	DSDD	DDDS	DDSD	SDDS	DSSD	SDDD	DDSS	DSDD
Câu 4	SDDD	DDSS	DDDS	DSDS	SDDD	DDDS	DDSD	DSDD	SSDD
Trả lời ngắn									
Câu 1	58,8	41,2	26	300	23,4	41,2	3,2	24	2659
Câu 2	23,4	2659	58,8	12,5	8,8	2659	26	300	41,2
Câu 3	26	12,1	23,4	41,2	26	12,5	8,8	2659	12,1
Câu 4	8,8	300	297	2659	3,2	300	297	12,5	300
Câu 5	3,2	12,5	8,8	24	58,8	24	58,8	41,2	12,5
Câu 6	297	24	3,2	12,1	297	12,1	23,4	12,1	24

Đ. K. F.
SNC

